TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2017/HN – PT
Ngày: 03/10/2017
V/v *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Tư

Các thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre*:** Bà Võ Thị Hoa – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2017/TLPT- HN ngày 05 tháng 9 năm 2017 về việc *"Tranh chấp ly hôn"*.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 46/2017/HNGĐ – ST ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 221/2017/QĐ – PT ngày 07 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1965; (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Bà Mai Thị T, sinh năm: 1967; (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã L, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn ông Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H đăng ký kết hôn với bà Mai Thị T tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 31-10-1996 (Giấy đăng ký số 179). Sau khi kết hôn ông bà sống hạnh phúc được 28 năm, sau đó bà T đi làm xa không thường về nhà nên tình cảm vợ chồng không còn dẫn đến ông H có người phụ nữ khác từ năm 2016 đến nay. Nay ông H xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông và bà Mai Thị T không còn nên ông xin ly hôn với bà T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thu H, sinh năm 1990; Nguyễn Xuân M, sinh ngày 23/7/1993. Hiện nay các cháu đã trưởng thành và có gia đình riêng.

Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết để ông và bà T tự thỏa thuận.

Về nợ chung: không có

Tại bản tự khai đề ngày 04/5/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Mai Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà T thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như ông Nguyễn Văn H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn bà và ông H chung sống hạnh phúc, có 02 con chung, sau đó bà T có đi làm xa đến năm 2016 vợ chồng mất hạnh phúc là do ông H có tình cảm với người phụ nữ khác. Nay ông H xin ly hôn với bà T thì bà không đồng ý vì giữa bà và ông H không có mâu thuẫn gì mà do ông H không chung thủy với bà. Ông H đã có người phụ nữ khác.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thu Hiền, sinh năm 1990; Nguyễn Xuân Mai, sinh ngày 23/7/1993. Hiện nay các cháu đã trưởng thành và có gia đình riêng như ông H trình bày.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết để bà và ông H tự thỏa thuận.

Về nợ chung: không có.

Sau khi hòa giải không thành Tòa án nhân dân huyện M đưa vụ án ra xét xử với quyết định:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Bác yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn H.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/8/2017 nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H kháng cáo.

Theo đơn kháng cáo và lời trình bày của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H: ông không đồng ý với bản án sơ thẩm, ông yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, cho ông được ly hôn với bà Mai Thị T.

Bị đơn là bà Mai Thị T trình bày: yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 46/2017/HNGĐ-ST ngày 18/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện M.

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn H về việc xin ly hôn với bà Mai Thị T. Hôn nhân của ông H và bà T là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian dài chung sống hạnh phúc ông bà có 02 con chung đã trưởng thành và lập gia đình riêng. Ông H thừa nhận trong thời gian bà T đi làm xa ông không còn tình cảm với bà T, đến năm 2016 ông đã có tình cảm với người phụ nữ khác. Bà T không đồng ý ly hôn với ông H vì giữa ông bà không có mâu thuẫn gì dẫn đến vợ chồng phải ly hôn mà nguyên nhân ông H không còn chung thủy với bà. Tại phiên Tòa phúc thẩm ông H cũng không trình bày được giữa ông và bà T có mâu thuẫn gì dẫn đến việc ly hôn. Xét thấy giữa ông H và bà T không có mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 46/2017/HNGĐ – ST ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M.

[2] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông H không phải chịu án phí phúc thẩm.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H.

Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 46/2017/HNGĐ – ST ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M.

Cụ thể tuyên:

1. Bác yêu cầu của ông Nguyễn Văn H xin ly hôn với bà Mai Thị T.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008397 ngày 13/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

6. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008658 ngày 01/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Tư